BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 357/QĐ-BTTTT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020" với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đi trước một bước làm hạt nhân lan tỏa và động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần đưa Vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành trung tâm kinh tế, thương mại lớn của cả nước.

- Phát triển viễn thông toàn diện cả về mạng lưới, công nghệ và dịch vụ, đảm bảo an toàn mạng lưới, kết nối liên vùng và cả nước, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho toàn vùng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, phục vụ tốt và kịp thời cho công tác an ninh, quốc phòng trong mọi tình huống.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin (CNTT) trong mọi lĩnh vực, ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, từng bước xây dựng "tỉnh, thành phố điện tử".

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp CNTT, chú trọng phát triển dịch vụ CNTT, sản xuất nội dung thông tin số và phần mềm, góp phần quan trọng vào tăng cường năng lực công nghệ quốc gia.

- Phát triển nguồn nhân lực CNTT là yếu tố then chốt có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển và ứng dụng CNTT. Phát triển nguồn nhân lực CNTT phải đảm bảo chất lượng, đồng bộ, chuyển dịch nhanh về cơ cấu theo hướng tăng tỷ lệ nguồn nhân lực có trình độ cao.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Phát triển viễn thông

- Xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng hiện đại, có thông lượng lớn có độ tin cậy cao. Phát triển Cần Thơ trở thành một trung tâm dịch vụ viễn thông chất lượng cao của khu vực đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước.

- Đến năm 2015, hoàn thành mạng băng rộng đến tất cả các xã, phường và phủ sóng thông tin di động băng rộng đến 85% dân cư. Ít nhất 20% số hộ gia đình có máy tính và có thể truy cập Internet băng rộng. Hầu hết các hộ gia đình đều có điện thoại (cố định hoặc di động).

- Đến năm 2020, hoàn thiện mạng băng rộng đến hầu hết các khóm, ấp và phủ sóng thông tin di động băng rộng đến 95% dân cư. Ít nhất 50% số hộ gia đình có máy tính và có thể truy cập Internet băng rộng. Tất cả các hộ gia đình đều có điện thoại (cố định hoặc di động).

2.2. Phát triển ứng dụng CNTT

a) Đến năm 2015

+ Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Ít nhất 60% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện hoàn toàn dưới dạng điện tử, trừ các văn bản có tính mật; Trên 90% hồ sơ quản lý cán bộ, công chức các cấp có thể quản lý chung trên mạng và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức toàn quốc.

- 100% các cuộc họp của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với Chính phủ có thể được thực hiện trên môi trường mạng; Ít nhất 60% các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh với các huyện, thị, thành phố trực thuộc và giữa các cơ quan cấp tỉnh với các huyện, thị, thành phố được thực hiện trên môi trường mạng.

- Hầu hết cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc.

+ Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Trên 85% các cơ quan nhà nước cấp huyện trở lên có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin, cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến.

- Trên 40% hồ sơ khai thuế của người dân và doanh nghiệp được nộp qua mạng; Cơ quan hải quan các tỉnh, thành phố triển khai thủ tục hải quan điện tử; Trên 20% số gói thầu về mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ tư vấn sử dụng vốn nhà nước được thực hiện đấu thầu qua mạng; Ít nhất 20% hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng.

- Trên 30% công dân trên 14 tuổi được cấp chứng minh thư nhân dân sản xuất trên dây chuyền hiện đại với một số chứng minh thư duy nhất không trùng lặp, chống làm giả.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong các hoạt động văn hóa, thông tin và thư viện. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong xúc tiến, quảng bá du lịch và lưu giữ phát triển văn hóa truyền thống.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo

- Tăng cường trang bị máy tính, mạng máy tính và kết nối Internet băng rộng cho các trường học. Đến năm 2015, 100% trường trung học phổ thông (THPT), trung

tâm giáo dục thường xuyên, trường trung học cơ sở (THCS) và 50% trường tiểu học được trang bị phòng máy tính đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- Đảm bảo có đủ giáo viên dạy môn tin học trong chương trình chính khóa ở các trường phổ thông. Đến năm 2015, 100% học sinh THPT, trung tâm giáo dục thường xuyên và THCS, 50% học sinh tiểu học được học tin học trong chương trình chính khóa.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào dạy và học tại các trường; Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý giáo dục.

+ Ứng dụng CNTT trong y tế

- 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh, ít nhất 50% cơ sở y tế tuyến huyện có hệ thống mạng LAN và trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT. 100% cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên được kết nối Internet tốc độ cao; trên 85% trạm y tế xã có máy tính và được kết nối Internet tốc độ cao.

- 100% Sở Y tế và cơ sở y tế tuyến tỉnh, trên 50% cơ sở y tế tuyến huyện ứng dụng CNTT để hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý. Từng bước xây dựng hệ thống y tế điện tử và hệ thống theo dõi, cảnh báo dịch bệnh trong vùng.

+ Ứng dụng CNTT phát triển sản xuất, kinh doanh

- Hình thành và thúc đẩy phát triển môi trường giao dịch và thương mại điện tử thuận lợi, tin cậy. Trên 50% các doanh nghiệp lớn thường xuyên thực hiện các giao dịch thương mại điện tử. 70% các doanh nghiệp vừa và nhỏ biết đến lợi ích của thương mại điện tử và có ứng dụng nhất định.

+ Ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Trên 45% số xã có điểm bưu điện văn hóa và điểm truy cập Internet đạt chuẩn theo Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020.

- Phát triển các trang thông tin điện tử khuyến nông, khuyến ngư, theo dõi rừng, theo dõi dự báo dịch hại trên cây trồng. Hình thành mạng lưới thu thập thông tin và cung cấp thông tin giá cả thị trường nông sản trên toàn vùng, phát triển các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển giao dịch và thương mại điện tử thuận lợi, tin cậy; hướng dẫn, khuyến khích nông dân sử dụng giao dịch và thương mại điện tử.

b) Đến năm 2020

- Hình thành kết cấu hạ tầng xã hội thông tin vào năm 2020, tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập môi trường mạng rộng khắp gắn kết với các tỉnh khác trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng KTTĐ phía Nam. Trên 70% số xã có điểm bưu điện văn hóa và điểm truy cập Internet đạt chuẩn theo Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020.

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT. Hầu hết các giao dịch của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử. Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến với mức độ 3 và 4.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và các lĩnh vực có thế mạnh đặc thù của Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tăng cường dạy và học tin học trong các trường phổ thông. 100% trường tiểu học được trang bị phòng máy tính đáp ứng nhu cầu dạy và học. 100% học sinh tiểu học được học tin học trong chương trình chính khóa.

- 100% cơ sở y tế có đủ trang thiết bị CNTT và được kết nối Internet tốc độ cao phục vụ ứng dụng CNTT. 100% cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên ứng dụng CNTT để hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý. 100% trạm y tế sử dụng phần mềm phục vụ công tác thống kê, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Hoàn thiện hệ thống y tế điện tử và hệ thống theo dõi, cảnh báo dịch bệnh.

2.3. Phát triển công nghiệp CNTT

a) Đến năm 2015

- Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm công nghiệp CNTT của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Phát triển mạnh dịch vụ CNTT tại tất cả các tỉnh, thành phố trong vùng. Tập trung phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung thông tin số tại thành phố Cần Thơ nhằm tận dụng lợi thế nguồn nhân lực và vị trí trung tâm đồng bằng sông Cửu Long của Cần Thơ. Phát triển công nghiệp phần cứng và điện tử, chủ yếu là lắp ráp thiết bị thông qua thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp trong vùng.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp CNTT của Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt 30%/năm trong giai đoạn từ 2011 đến 2015.

b) Đến năm 2020

- Đưa công nghiệp CNTT trở thành một ngành có tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng GDP của vùng, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Vùng KTTĐ và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu của thành phố Cần Thơ, trung tâm công nghiệp CNTT của vùng đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt trong việc phát triển dịch vụ CNTT, công nghiệp phần mềm và nội dung thông tin số.

2.4. Phát triển nguồn nhân lực CNTT

a) Đến năm 2015

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên các cấp, cán bộ, nhân viên trong ngành y tế sử dụng thành thạo máy tính và các ứng dụng CNTT trong công tác của mình;

- Hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT (phụ trách CNTT) tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và huyện, các cơ sở y tế cấp tỉnh, huyện, các trường học và trong các doanh nghiệp;

- Các cơ quan trong hệ thống chính trị, các doanh nghiệp lớn và vừa có cán bộ lãnh đạo thông tin (CIO). Các tỉnh, thành phố có đội ngũ chuyên gia CNTT đủ năng lực quản lý, vận hành hệ thống thông tin của địa phương mình;

- Đảm bảo có đủ nhân lực phục vụ phát triển viễn thông, công nghiệp CNTT và ứng dụng CNTT.

b) Đến năm 2020

- Phần lớn cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên các cấp, cán bộ, nhân viên trong ngành y tế được bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức CNTT;

- Đa số xã trong vùng và phần lớn các trạm y tế cấp xã có bình quân mỗi đơn vị một cán bộ phụ trách CNTT. Cán bộ chuyên trách CNTT (phụ trách CNTT) tại các cơ quan trong hệ thống chính trị, trường học, cơ sở y tế được bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về CNTT và quản lý CNTT;

- 100% cán bộ lãnh đạo thông tin tại các cơ quan trong hệ thống chính trị và trong các doanh nghiệp được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức CNTT và kỹ năng quản lý CNTT;

- Tăng cường đào tạo nhân lực CNTT chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển viễn thông, công nghiệp CNTT và ứng dụng CNTT.

3. Định hướng phát triển

3.1. Phát triển viễn thông

a) Mạng viễn thông công cộng

- Phát triển mạng viễn thông với công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển của toàn vùng. Tăng dung lượng truyền dẫn, thực hiện từng bước cáp quang hóa, hình thành các mạng cáp quang có cấu trúc mạch vòng để đảm bảo an toàn thông tin. Triển khai nhanh mạng truy nhập quang ở các khu đô thị mới, các khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao. Hoàn thiện mạng ngoại vi theo hướng tăng cường sử dụng cáp sợi quang và nâng cao tỷ lệ cáp ngầm để nâng cao chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị;

- Mở rộng vùng phủ sóng của các mạng viễn thông di động thế hệ thứ 3 (3G) và phát triển các mạng thế hệ tiếp sau. Nâng cao chất lượng phủ sóng tại các thành phố, thị xã, trung tâm huyện, các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư và các điểm du lịch. Chú trọng đầu tư phát triển mạng Internet băng rộng. Đẩy mạnh phổ cập Internet đến tất cả các khóm, ấp. Chú trọng phát triển Internet đến các trường trung học cơ sở, trường tiểu học;

- Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông trên đảo Phú Quốc theo định hướng từng bước xây dựng Phú Quốc trở thành một thành phố biển đảo, trung tâm du lịch và dịch vụ cao cấp, trung tâm khoa học công nghệ của quốc gia và khu vực Đông Nam Á. Chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông tại các khu du lịch khu vực Bảy Núi (An Giang) và Hà Tiên (Kiên Giang);

- Tại khu vực hải đảo, vùng sâu, vùng xa triển khai các phương thức liên lạc vệ tinh, vô tuyến. Nghiên cứu xây dựng mạng vô tuyến thông tin liên lạc biển và duyên hải phục vụ cho ngư nghiệp, giao thông vận tải và an ninh quốc phòng. Phát triển và hiện đại hóa hệ thống thông tin duyên hải.

b) Phát triển dịch vụ và thị trường

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư và kinh doanh cung cấp dịch vụ viễn thông, tạo sự bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp có hạ tầng mạng và doanh nghiệp không có hạ tầng mạng;

- Ưu tiên phát triển các dịch vụ băng rộng, dịch vụ nội dung thông tin trên nền mạng 3G. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh truyền hình, dịch vụ thuê kênh. Ưu tiên phát triển các dịch vụ mới phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin và viễn thông;

3.2. Phát triển ứng dụng CNTT

a) Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước

- Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước, kết nối tới cấp xã. Nâng cấp mở rộng và hoàn thiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến;

- Xây dựng Trung tâm dữ liệu các tỉnh, thành phố. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng, hệ thống giao ban điện tử của tỉnh, thành phố, phối hợp với các cơ quan Trung ương có liên quan để tích hợp các hệ thống thông tin, các hệ thống cơ sở dữ liệu và triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước;

- Nâng cấp, triển khai hệ thống thư điện tử đồng bộ trong các cơ quan nhà nước, đảm bảo hầu hết các cán bộ, công chức các cấp có hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc;

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Cổng thông tin điện tử tỉnh, thành phố. Cung cấp đầy đủ các nội dung thông tin theo quy định tại Điều 28 Luật Công nghệ thông tin, các văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và tra cứu hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp. Cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu ở mức độ 3 theo quy định trong Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011- 2015. Nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến, hỏi đáp trực tuyến về hoạt động của các cơ quan nhà nước.

b) Ứng dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất và kết nối Internet băng rộng cho các trường học.

- Đẩy mạnh dạy môn tin học trong chương trình chính khóa ở tất cả các trường phổ thông, đặc biệt là các cấp THCS và THPT nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về CNTT cho học sinh và tạo điều kiện để các em học sinh có thể tham gia phổ cập tin học trong xã hội;

- Nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong công tác giảng dạy. Ứng dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý giáo dục từ các trường đến các Phòng giáo dục và các Sở giáo dục đào tạo. Từng bước xây dựng hệ thống thông tin quản lý giáo dục.

c) Ứng dụng CNTT trong y tế

- Tăng cường trang bị các thiết bị CNTT và kết nối Internet tốc độ cao cho các cơ sở y tế để đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ sở y tế và trong quản lý ngành y tế. Xây dựng Bệnh viện Trung ương Cần Thơ và Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trở thành điển hình về ứng dụng CNTT;

- Xây dựng hệ thống y tế điện tử giữa Bệnh viện Trung ương Cần Thơ, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ với các bệnh viện đầu ngành trong cả nước và các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh trong vùng. Xây dựng hệ thống theo dõi, cảnh báo dịch bệnh chung của toàn vùng.

d) Ứng dụng CNTT phát triển sản xuất, kinh doanh

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp như: hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, quản lý điều hành, quảng bá thương hiệu, phát triển nguồn lực, bảo vệ môi trường...

- Tăng cường tuyên truyền quảng bá về thương mại điện tử (TMĐT) nhằm nâng cao nhận thức về lợi ích và cách thức ứng dụng TMĐT. Bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho phát triển TMĐT và khuyến khích các hình thức giao dịch qua mạng.

e) Ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Từng bước ứng dụng CNTT vào cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Đẩy mạnh sử dụng công nghệ GIS (hệ thống thông tin địa lý) phục vụ quy hoạch nông, lâm nghiệp, quản lý rừng, lưu trữ tư liệu địa chất, đo đạc bản đồ, địa chính, quản lý cơ sở hạ tầng;

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp. Phát triển các trang thông tin điện tử khuyến nông, khuyến ngư, theo dõi diễn biến rừng, theo dõi dự báo dịch hại trên cây trồng…;

- Tăng cường hướng dẫn, khuyến khích nông dân sử dụng giao dịch và thương mại điện tử. Các tỉnh, thành phố triển khai xây dựng mạng lưới thu thập thông tin và cung cấp thông tin giá cả thị trường nông sản trên toàn vùng. Tiếp tục triển khai chương trình phổ cập tin học và nối mạng tri thức cho thanh niên nông thôn.

3.3. Phát triển công nghiệp CNTT

a) Phát triển dịch vụ CNTT

- Đẩy mạnh liên kết với các doanh nghiệp CNTT ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng KTTĐ phía Nam để phát triển mạnh dịch vụ CNTT. Tiếp tục

phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm dịch vụ CNTT của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Mở rộng mạng lưới dịch vụ CNTT tại các thành phố, thị xã, các khu kinh tế, các khu đô thị. Chú trọng phát triển dịch vụ CNTT tại khu vực đảo Phú Quốc phục vụ mục tiêu từng bước xây dựng Phú Quốc trở thành một thành phố biển đảo, trung tâm du lịch và dịch vụ cao cấp, trung tâm khoa học công nghệ của quốc gia và khu vực Đông Nam Á theo Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung thông tin số

- Phát triển công nghiệp phần mềm theo định hướng đẩy mạnh gia công phần mềm xuất khẩu và phục vụ các nhu cầu ứng dụng CNTT trong nước, đặc biệt là tại khu vực vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đầu tư phát triển mạnh sản xuất nội dung thông tin số phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ cũng như các lĩnh vực văn hóa, xã hội và giải trí lành mạnh;

- Tập trung phát triển thành phố Cần Thơ thành một trung tâm mạnh về sản xuất phần mềm và nội dung thông tin số của Việt Nam. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung và vườn ươm doanh nghiệp CNTT tại Cần Thơ; tích cực thu hút các doanh nghiệp lớn của nước ngoài và trong nước đầu tư vào khu này để tạo động lực cho phát triển công nghiệp CNTT, đặc biệt là sản xuất phần mềm và nội dung thông tin số.

c) Phát triển công nghiệp phần cứng, điện tử

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng nhà máy gia công, lắp ráp các thiết bị phần cứng, điện tử tại các khu công nghiệp trên địa bàn vùng, đặc biệt là tại các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ để phát huy lợi thế nguồn nhân lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Coi thu hút đầu tư nước ngoài là biện pháp chủ yếu để phát triển công nghiệp phần cứng, điện tử tại vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long;

- Các sản phẩm công nghiệp phần cứng máy tính và điện tử chủ yếu của vùng gồm: máy vi tính, điện tử gia dụng, điện tử viễn thông, điện tử văn phòng.

3.4. Phát triển nguồn nhân lực CNTT

a) Nhân lực cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

- Trong giai đoạn 2011 - 2015 tập trung đào tạo về CNTT và sử dụng các ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường đào tạo để từng bước hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT (phụ trách CNTT) tại các cơ quan trong hệ thống chính trị;

- Hình thành đội ngũ cán bộ lãnh đạo thông tin và chuyên gia CNTT, nhằm đáp ứng tốt việc tổ chức, quản lý, ứng dụng và phát triển CNTT. Tổ chức các chương trình tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT ở trong nước hoặc ở các nước có CNTT phát triển cho cán bộ lãnh đạo thông tin;

- Tăng cường thu hút cán bộ trẻ, có năng lực để đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia CNTT có đủ năng lực quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn cho toàn bộ hệ thống thông tin của các tỉnh, thành phố;

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, tập trung tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nhằm cập nhật kiến thức về CNTT cho hầu hết cán bộ, công chức, viên chức. Bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về CNTT và quản lý CNTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT (phụ trách CNTT). Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức CNTT và kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo thông tin.

b) Nhân lực cho ứng dụng CNTT trong giáo dục

- Trong giai đoạn 2011- 2015, đào tạo về kỹ năng sử dụng máy tính và Internet cho hầu hết giáo viên mẫu giáo; đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng nâng cao về soạn và sử dụng giáo án điện tử cho giáo viên phổ thông các cấp. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức CNTT và quản lý CNTT cho một số giáo viên dạy tin học của các trường để từng bước hình thành đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT tại các trường học.

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, tiếp tục đẩy mạnh bồi dưỡng, tập huấn kiến thức CNTT và các kỹ năng về soạn, sử dụng giáo án điện tử cho đội ngũ giáo viên. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy tin học trong các trường phổ thông. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức CNTT và các kỹ năng quản lý CNTT cho các cán bộ phụ trách CNTT của trường học.

c) Nhân lực cho ứng dụng CNTT trong y tế

- Trong giai đoạn 2011- 2015, đẩy mạnh đào tạo về kỹ năng sử dụng máy tính và Internet cho cán bộ ngành y tế (chủ yếu là y tá và hộ sinh). Tăng cường cán bộ chuyên trách (phụ trách CNTT) cho các Sở y tế, các cơ sở y tế cấp tỉnh và huyện;

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về CNTT và kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ y tế của các tỉnh, thành phố. Tiếp tục tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách (phụ trách CNTT) của các cơ sở y tế và tăng cường cán bộ phụ trách CNTT cho các cơ sở y tế cấp xã.

d) Nhân lực cho ứng dụng CNTT trong các doanh nghiệp

- Các doanh nghiệp tích cực chủ động tổ chức đào tạo về kỹ năng sử dụng máy tính và Internet cho lao động của doanh nghiệp mình để đẩy mạnh ứng dụng CNTT.

- Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư từng bước hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT (phụ trách CNTT) và đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng về ứng dụng CNTT cho cán bộ lãnh đạo thông tin trong các doanh nghiệp.

e) Đào tạo nhân lực CNTT

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển đào tạo CNTT, điện tử, viễn thông ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong vùng, đặc biệt là tại thành phố Cần Thơ. Tập trung phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm đào tạo về CNTT, điện tử, viễn thông cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tích cực phát triển các trung tâm đào tạo CNTT tại các địa phương để phục vụ phổ cập kiến thức CNTT cho xã hội;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT cho đội ngũ cán bộ hiện đang làm việc trong các doanh nghiệp cần được triển khai thường xuyên, liên tục để đảm bảo cho cán bộ, công nhân của các doanh nghiệp có thể kịp thời nắm bắt được những thay đổi, phát triển nhanh chóng của công nghệ. Đảm bảo tất cả các trường phổ thông đều dạy học môn tin học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ chế chính sách

a) Cơ chế chính sách phát triển viễn thông

Các địa phương khi tiến hành rà soát, xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cần xác định rõ phần quy hoạch phát triển mạng lưới viễn thông. Ban hành các quy định liên ngành trong việc phối hợp quy hoạch và triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ.

Cơ sở hạ tầng viễn thông phải được các doanh nghiệp viễn thông và các chủ mạng dùng riêng sử dụng chung một cách tiết kiệm và có hiệu quả. Khi phê duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới và các dự án đầu tư của các doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố công bố cho các doanh nghiệp khác biết để khuyến khích các doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng chung cơ sở hạ tầng; đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, điều phối các doanh nghiệp cùng hợp tác đầu tư, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn theo đúng quy hoạch.

Xây dựng và hoàn thiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông và Internet. Các Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị triển khai các dự án ứng dụng CNTT cần có các giải pháp đảm bảo an toàn

thông tin và tổ chức lực lượng ứng cứu sự cố máy tính với hình thức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tùy theo nhu cầu và điều kiện cụ thể của địa phương.

b) Cơ chế chính sách phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

Xây dựng các chính sách phát triển thị trường công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm và nội dung thông tin số. Có chính sách tích cực khuyến khích ứng dụng CNTT thông qua đó kích cầu đối với thị trường CNTT trên địa bàn Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long;

c) Cơ chế chính sách phát triển ứng dụng CNTT

Xây dựng các chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển ứng dụng CNTT, đặc biệt là triển khai thương mại điện tử và Chính phủ điện tử; các chính sách khuyến khích nhân rộng các mô hình ứng dụng CNTT thành công.

Các tỉnh, thành phố xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin và triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức và kiến thức về an toàn thông tin cho mọi đối tượng sử dụng mạng, đảm bảo cho các cán bộ chịu trách nhiệm quản trị mạng máy tính và quản trị thông tin được bồi dưỡng và cập nhật các quy định về an toàn mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử và tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Phát triển các hình thức thuê, khoán trong triển khai ứng dụng CNTT. Các tỉnh, thành phố trong vùng xây dựng và ban hành quy chế hợp tác Nhà nước - Doanh nghiệp trong thực hiện các dự án ứng dụng CNTT và triển khai thực hiện.

d) Cơ chế chính sách phát triển nguồn nhân lực CNTT

Các tỉnh, thành phố xây dựng chính sách đãi ngộ để thu hút lao động có chất lượng cho phát triển viễn thông và CNTT. Xây dựng cơ chế thu hút và lưu giữ chuyên gia CNTT trình độ cao, chính sách ưu đãi về thu nhập cho nhân lực CNTT làm việc trong các cơ quan nhà nước, chính sách ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách CNTT (phụ trách CNTT), giáo viên CNTT tại các vùng khó khăn. Kiện toàn bộ máy cán bộ chuyên trách CNTT ở cấp huyện, đảm bảo số lượng và cơ cấu trình độ để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giai đoạn mới. Các tỉnh, thành phố bố trí thêm chức danh không chuyên trách về CNTT ở cấp xã cho những người phụ trách ứng dụng CNTT ở cấp xã và có chế độ đãi ngộ phù hợp.

2. Phát triển khoa học công nghệ

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các trường đại học, các đơn vị nghiên cứu với các doanh nghiệp trong việc triển khai các đề án nghiên cứu về lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Khuyến khích mọi hình thức hợp tác khoa học công nghệ với các tổ chức, công ty nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.

3. Huy động vốn

Tăng cường thu hút vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế cho phát triển viễn thông và CNTT trong Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long. Huy động và sử dụng tối ưu nguồn vốn trong nước và coi đây là nguồn vốn chủ yếu cho đầu tư phát triển viễn thông. Nguồn vốn ODA được sử dụng để hỗ trợ cho phát triển viễn thông ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hỗ trợ phát triển các dịch vụ công ích như Internet phục vụ y tế, giáo dục. Sử dụng hiệu quả nguồn quỹ dịch vụ viễn thông công ích. Xây dựng và triển khai chương trình quảng bá hình ảnh và kêu gọi các doanh nghiệp CNTT hàng đầu thế giới đầu tư phát triển công nghiệp CNTT tại Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có chính sách khuyến khích huy động vốn cho phát triển ứng dụng CNTT trên địa bàn vùng. Ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí triển khai các nội dung xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT, các hệ thống thông tin nền tảng, hệ thống thông tin chuyên ngành tại các tỉnh, thành phố trong vùng. Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác bảo đảm thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT phục vụ cho hoạt động thuộc phạm vi của địa phương. Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng CNTT cho cán bộ, công chức, cán bộ y tế, giáo dục và giảng dạy tin học cho học sinh các trường phổ thông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với các Bộ ngành liên quan xây dựng các chính sách thúc đẩy phát triển hạ tầng mạng viễn thông, phát triển công nghiệp CNTT, phát triển nguồn nhân lực CNTT và đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long;

b) Các Sở Thông tin và Truyền thông trong Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long xây dựng (hoặc điều chỉnh, bổ sung) quy hoạch phát triển công nghệ

thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh, thành phố theo định hướng quy hoạch này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai các dự án trọng điểm phát triển công nghệ thông tin và truyền thông sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn địa phương mình.

c) Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông căn cứ vào quy hoạch này xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tại Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long và phù hợp với tiến độ thực hiện quy hoạch của địa phương và của các ngành khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Lê Doãn Hợp

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 357/QĐ-BTTTT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì
1	Nhóm các dự án "Nâng cấp mở rộng và xây dựng mới mạng truyền dẫn quang"	Đẩy mạnh cáp quang hóa mạng lưới về đến các ấp trong Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông
2	Nhóm các dự án "Phát triển Internet băng rộng nông thôn"	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ Internet băng rộng ở khu vực nông thôn, thu hẹp khoảng cách sử dụng dịch vụ giữa thành thị và nông thôn	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông
3	Nhóm các dự án "Phát triển mạng điện thoại di động"	Phát triển mạng điện thoại di động 3G, mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao chất lượng dịch vụ	Các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng viễn thông
4	Nhóm các dự án "Phát triển ứng dụng CNTT tại các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long"	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan quản lý nhà nước tại 4 tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long	UBND các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long
5	Nhóm các dự án "Xây dựng trung tâm dữ liệu tại các tỉnh, thành phố trong Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long"	Xây dựng trung tâm dữ liệu tại 4 tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long để tạo nền tảng phát triển ứng dụng CNTT tại các địa phương trong vùng	UBND các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì
6	Nhóm các dự án "Đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn"	Trang bị máy vi tính, các phần mềm, xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp, nông thôn, đào tạo nhân lực cho ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng CNTT trong quảng bá các sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản tại các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long	UBND các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long
7	Dự án "Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung và vườn ươm doanh nghiệp CNTT tại Cần Thơ"	Thúc đẩy hoạt động sản xuất gắn kết nghiên cứu triển khai, đào tạo CNTT; thúc đẩy công nghiệp CNTT của Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển.	UBND thành phố Cần Thơ
8	Dự án "Nâng cao chất lượng đào tạo đại học về CNTT"	Nâng cao chất lượng đào tạo đại học về CNTT tại các trường đại học trong Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long	Trường đại học Cần Thơ và đại học An Giang
9	Dự án "Đẩy mạnh dạy và học tin học trong các trường phổ thông"	Tăng cường trang bị máy vi tính và đẩy mạnh dạy tin học trong các trường phổ thông, đặc biệt là các trường THPT và THCS.	UBND các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long
10	Dự án "Tăng cường đào tạo cán bộ chuyên trách (phụ trách CNTT) cho các địa phương"	Đào tạo cán bộ chuyên trách (phụ trách CNTT) cho các địa phương trong Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long	UBND các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ vùng đồng bằng sông Cửu Long

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng